

QUỐC CA VIỆT NAM

A. SỰ XUẤT HIỆN CỦA Ý NIỆM QUỐC CA TRONG LỊCH SỬ NHƠN LOẠI.

Ý niệm quốc ca đã từng xuất hiện một lượt với ý niệm quốc kỳ. Từ ngàn xưa, loài người đã có dùng những bản nhạc hay bài ca để đánh dấu sự có mặt của một nhơn vật lãnh đạo. Nhưng thời trước, với chế độ quân chủ, các bản nhạc hay bài hát loại này được xem là biểu tượng riêng của cá nhơn nhà vua, nhá quý tộc hoặc nhà đại diện cho các cự tộc cầm đầu cộng đồng. Về nội dung, nó có thể là một bài đề cho nhơn vật lãnh đạo này cầu nguyện trời hay thần linh phù hộ ông, một bài chúc tụng ông, đề cao công nghiệp của ông hay của gia tộc ông, hay một bài mô tả cảnh thái bình thịnh trị, hoặc sự cường thịnh của cộng đồng mà ông là chủ nhơn.

Chỉ với cuộc Cách Mạng Pháp năm 1789, khi quốc gia được xem là sở hữu của toàn thể mọi người sống trong cộng đồng mới có bài hát được dùng làm biểu tượng chung cho toàn thể quốc dân. Người Pháp đã dùng từ ngữ hymne national để chỉ loại bài hát này. Quan niệm của người Pháp lần lần được người nước khác chấp nhận và người thuộc các dân tộc nói tiếng Anh đã dùng từ ngữ national anthem khi nói đến bài hát tiêu biểu cho nước mình. Hymne national của Pháp hay national anthem theo tiếng Anh đã được người Việt Nam chúng ta dịch là quốc thiều nếu nhấn mạnh trên phần âm nhạc, hay quốc ca khi nhấn mạnh trên phần lời nói.

Về phần thực hiện cụ thể thì bản quốc ca đầu tiên trên thế giới là bài Marseillaise của Pháp. Bài này do một đại úy công binh Pháp tên Rouget de Lisle làm năm 1792 với tên là Chiến Ca Cửa Lộ Quân Sông Rhin (Chant De Guerre Pour l'Armée Du Rhin). Nhưng sau đó, nó được nổi tiếng khi được một tiểu đoàn chí nguyện quân gồm người gốc ở thị xã Marseille hát trong lúc kéo từ Marseille lên thủ đô Paris nên có tục danh là bài Marseillaise. Bài hát này đã được phổ biến rộng rãi ở Pháp từ năm 1792 và đến năm 1795, nó đã được chánh thức chọn làm quốc ca của Pháp.

Sau khi người Pháp tung ra ý niệm quốc ca, nhiều nước khác đã chấp nhận ý niệm này và đều có quốc ca. Có khi quốc ca được chọn là một bài đã được dùng để đánh dấu sự hiện diện của nhà vua. Đó là trường hợp bài God Save The King (Trời Phù Hộ Đức Vua) hay God Save The Queen (Trời Phù Hộ Nữ Hoàng) nếu quốc trưởng là một nữ hoàng. Bài này đã được dùng ở Anh từ trước Cách Mạng Pháp, nhưng đến năm 1825 mới được chánh thức xem là quốc ca của nước Anh.

B. CÁC BẢN NHẠC ĐÃ XUẤT HIỆN Ở VIỆT NAM VỚI TƯ CÁCH LÀ QUỐC THIỀU VÀ QUỐC CA.

1. Quốc ca xuất hiện đầu tiên: bản Đăng Đàn Cung của Hoàng Đế Bảo Đại.

Ở Việt Nam trước đây, cũng như ở các nước quân chủ cổ thời khác, có những bản nhạc và bài hát được dùng trong các lễ long trọng để đánh dấu sự hiện diện của nhà vua. Về ý niệm quốc thiều hay quốc ca, nó chỉ xuất hiện ở nước ta khi dân tộc ta bị lọt vào ách thực dân Pháp.

Tuy nhiên, trong gần suốt thời kỳ Pháp thuộc, dân Việt Nam vẫn chưa có quốc thiều và quốc ca. Nam Kỳ lúc ấy là thuộc địa Pháp và khi có các cuộc lễ lớn thì bản nhạc được dùng là bài Marseillaise của người Pháp. Ở Huế thì triều đình nhà Nguyễn có một số bản nhạc được dùng khi có sự hiện diện của nhà vua. Nhưng các bản nhạc trên đây không phải là quốc thiều hay quốc ca theo đúng nghĩa kim thời của nó.

Đến thời Thế Chiến II, Hoàng Đế Bảo Đại mới ấn định quốc thiều và quốc ca một lượt với quốc kỳ. Bản quốc thiều và quốc ca này là bản Đăng Đàn Cung. Đó là một bản nhạc cổ điển của Việt Nam và được triều đình Huế dùng khi nhà vua ngự đến đài Nam Giao để đại diện cho tất cả thần dân làm lễ tế trời. Lễ này ba năm cử hành một lần và được xem là cuộc lễ quan trọng hơn hết của triều đình. Do đó, bản Đăng Đàn Cung được xem là bản nhạc trang nghiêm nhất. Vì vậy, Hoàng Đế Bảo Đại đã dùng nó làm quốc thiều và quốc ca trong khi cờ long tinh được chọn làm quốc kỳ. Cũng như cờ long tinh, bản Đăng

Đàn Cung chỉ được dùng trên lãnh thổ Đại Nam tức là Trung Kỳ và Bắc Kỳ, còn ở Nam Kỳ bị xem là lãnh thổ Pháp thì bản Marseillaise vẫn phải được dùng.

2. Quốc ca thứ nhì: bản Việt Nam Minh Châu Trời Đông thời chánh phủ Trần Trọng Kim.

Sau khi Nhật đảo chánh Pháp và Việt Nam tuyên bố độc lập, chánh phủ Trần Trọng Kim đã ban bố một chương trình hưng quốc ngày 8 tháng 5 năm 1945, trong đó bản Việt Nam Minh Châu Trời Đông của nhạc sĩ Hùng Lân được chọn làm quốc ca. Lời ca của bản nhạc này như sau:

*Việt Nam, minh châu trời Đông!
Việt Nam, nước thiêng Tiên Rồng!
Non sông như gấm hoa uy linh một phương,
Xây vinh quang ngất cao bên Thái Bình Dương.
Từ ngàn xưa tài danh lừng lẫy khắp nơi.
Tiếng anh hùng tạc ghi núi sông muôn đời.
Máu ai còn vương cỏ hoa,
Giục đem tâm thân xẻ với sơn hà.
Giơ tay cương quyết,
Ta ôn lời thề ước.
Hy sinh tâm huyết,
Ta báo đền ơn nước.
Dầu thân này nát tan thành gỏi da ngựa cũng cam,
Thề trọn niềm trung thành với sơn hà nước Nam.*

Bản quốc ca này được dùng chung với cờ quẻ Ly ở Bắc và Trung Việt, nhưng không được dùng ở Nam Việt vì Nam Việt đã bị người Nhật thay người Pháp điều khiển một cách trực tiếp và chỉ được trả cho triều đình Huế lúc Hoàng Đế Bảo Đại đã sắp thoái vị rồi. Vậy, trong thời kỳ từ khi người Nhật đảo chánh Pháp cho đến khi Mặt Trận Việt Minh củng cố được chánh quyền của nó ở Nam Việt, cả lãnh thổ này không có quốc ca. Bài hát được người quốc gia ở Nam Việt dùng khi đứng lên tranh đấu cho nền độc lập của Việt Nam thời đó là bài Thanh Niên Hành Khúc hay Tiếng Gọi Thanh Niên của Thanh Niên Tiền Phong, chung với cờ vàng sao đỏ cũng của tổ chức này. Như chúng tôi sẽ trình bày sau đây, bản nhạc của bài Thanh Niên Hành Khúc hay Tiếng Gọi Thanh Niên này chính là bản nhạc của bài quốc ca mà chúng ta đang dùng.

3. Quốc ca thứ ba: bản Tiến Quân Ca của tập đoàn CSVN.

Khi cướp được chánh quyền, tập đoàn CSVN đã dùng làm quốc ca bản Tiến Quân Ca của nhạc sĩ Văn Cao. Bản nhạc này đã được họ bắt đầu dùng khi tổ chức các đơn vị võ trang đầu tiên và cho đến nay, vẫn được họ dùng làm quốc ca.

4. Quốc ca của Nam Kỳ Cộng Hòa Quốc.

Khi Nam Kỳ Cộng Hòa Quốc thành lập năm 1946, những người cầm đầu phong trào Nam Kỳ Tự Trị đã dùng làm quốc ca một bản phổ nhạc của mấy câu thơ đầu trong Chinh Phụ Ngâm Khúc mà tác giả là Giáo Sư Võ Văn Lúa, một giáo sư trung học thời Pháp thuộc. Sau đó, Nam Kỳ Cộng Hòa Quốc lại dùng một bản nhạc khác cũng của vị giáo sư này làm quốc ca, nhưng về nhạc và lời, bản sau này cũng chẳng hơn gì bản trước. Các bản quốc ca quái đản trên đây thật xứng với lá cờ sứt rết dùng làm quốc kỳ cho Nam Kỳ Cộng Hòa Quốc. Nó đã là một đề tài chế giễu của người dân Nam Việt lúc đó và ngày nay nhắc lại nó, chúng tôi không biết nên cười hay nên khóc vì tuy hết sức lố bịch, nó đã được dùng làm biểu tượng cho một tổ chức chống lại nền thống nhất của Việt Nam và đã gây nhiều đau khổ chết chóc cho những người tranh đấu cho nền thống nhất này.

5. Quốc ca của chúng ta ngày nay.

Bản quốc ca của chúng ta hiện nay có một lịch sử đặc biệt. Người sáng tác bản nhạc là Lưu Hữu Phước, một cựu học sinh trường trung học Pétrus Ký và cựu sinh viên Viện Đại Học Hà Nội. Nếu tôi không lầm thì bản nhạc này đã được soạn ra lúc Lưu Hữu Phước còn học ở trường Pétrus Ký. Năm 1942, anh ta là sinh viên của Viện Đại Học Hà Nội. Thời Thế Chiến II, Viện Đại Học này là Viện Đại Học duy nhất của các nước Đông Dương. Nó có khoảng 800 sinh viên trong đó phân nửa là người Việt Nam, còn lại là người Khmer, người Lào, người Pháp và ngay cả người một số nước láng giềng như Trung Quốc và các nước Đông Nam Á Châu.

Vì là Viện Đại Học duy nhất của Đông Dương nên Viện Đại Học Hà Nội đã họp tập tất cả sinh viên Việt Nam thời đó. Các sinh viên ái quốc gia nhập các chính đảng cách mạng tranh đấu cho nền độc lập của Việt Nam đã tổ chức những tổ bí mật tại đó. Đặc biệt Đại Việt Quốc Dân Đảng có đảng trưởng Trương Tử Anh và một cán bộ nòng cốt là Anh Nguyễn Tôn Hoàn học tại Viện Đại Học Hà Nội thời Thế Chiến II. Anh Nguyễn Tôn Hoàn là người giỏi về nhạc nên được bầu làm Trưởng Ban Âm Nhạc của Tổng Hội Sinh Viên Đông Dương (Association Générale des Eütudiants Indochinois) và anh đã lãnh nhiệm vụ bí mật hướng dẫn các sinh viên hoạt động về văn hóa theo chiều hướng tranh đấu chống thực dân.

Chiều ngày 15 tháng 3 năm 1942, Tổng Hội Sinh Viên Đông Dương (THSVĐD) đã tổ chức tại Đại Giảng Đường của Viện Đại Học Hà Nội một buổi hát để lấy tiền giúp các bệnh nhơn nghèo của các bệnh viện được dùng làm nơi thực tập cho các sinh viên Khoa Y Dược. Các sinh viên Việt Nam đóng vai tưởng chủ động trong Tổng Hội đã quyết định nhơn cơ hội này tung ra một bản nhạc đặc biệt là Sinh Viên Hành Khúc, tên Pháp là Marche des Étudiants. Anh Nguyễn Tôn Hoàn được ủy nhiệm chọn bản nhạc dùng vào công việc đó. Lúc ấy, Lưu Hữu Phước đã đưa cho anh một số bài nhạc do anh ta soạn. Anh Nguyễn Tôn Hoàn nhận thấy rằng trong tất cả các dự thảo của Lưu Hữu Phước, bản nhạc mà chúng ta hiện dùng làm quốc thiều có tánh cách khích động tinh thần tranh đấu hơn hết nên đã chọn nó làm nhạc cho Sinh Viên Hành Khúc. Sau đó, một ủy ban soạn lời ca cho bản nhạc này đã được thành lập với Đặng Ngọc Tốt, Mai Văn Bộ, Huỳnh Văn Tiểng, Phan Thanh Hòa, Hoàng Xuân Nhị. Lời ca này gồm ba đoạn với một điệp khúc chung:

- I. *Này sinh viên ơi! Đứng lên đáp lời sông núi!
Đồng lòng cùng đi, đi, mở đường khai lối.
Vì non sông nước xưa, truyền muôn năm chớ quên,
Nào anh em Bắc Nam! Cùng nhau ta kết đoàn!
Hồn thanh xuân như gương trong sáng,
Đừng tiếc máu nóng, tài xin ráng!
Thời khó, thế khó, khó làm yếu ta,
Dầu muôn chông gai vững lòng chi sá.
Đường mới kịp phóng mắt nhìn xa bốn phương,
Tung cánh hồn thiếu niên ai đó can trường.
<<<Điệp khúc>>>
Sinh viên ơi! Ta quyết đi đến cùng!
Sinh viên ơi! Ta thể đem hết lòng!
Tiến lên đồng tiến! Vê vang đời sống!
Chớ quên rằng ta là giống Lạc Hồng!*
- II. *Này sinh viên ơi! Dấu xưa vết còn chưa xoá!
Hùng cường trời Nam, ghi trên bảng vàng bia đá!
Lùa quân Chiêm nát tan, thành công Nam tiến luôn,
Bình bao phen Tống Nguyên, từng ca câu khải hoàn
Hò Tây tranh phong oai son phấn,
Lừng tiếng Sát Thát Trần Quốc Tuấn.
Mài kiếm cứu nước nhớ người núi Lam,
Trừ Thanh, Quang Trung giết hàng bao đám.*

*Nòi giống có khí phách từ xưa chớ quên,
Mong đến ngày về vang, ta thấp hương nguyên.*

<<<Trở lại điệp khúc>>>

*III. Này sinh viên ơi! Muốn đi đến ngày tươi sáng,
Hành trình còn xa, chúng ta phải cùng nhau gắng!
Ngày xưa ai biết đem tài cao cho núi sông,
Ngày nay ta cũng đem lòng son cho giống dòng.
Là sinh viên vun cây văn hoá,
Từ trước sẵn có nhiều hoa lá.
Đời mới kiến thiết đáp lòng những ai
Hằng mong ta ra vững cầm tay lái.
Bền chí quyết cố gắng làm cho khắp nơi
Vang tiếng người nước Nam cho đến muôn đời!*

<<<Trở lại điệp khúc>>>

Các lời ca tiếng Việt như trên đây được dùng cho sinh viên Việt Nam và có mục đích thúc đẩy người Việt Nam tranh đấu cho đất nước Việt Nam. Nhưng vì như trên đã nói, Viện Đại Học Hà Nội lúc ấy còn có nhiều sinh viên không phải Việt Nam nên ngoài lời ca tiếng Việt, lại còn có lời ca tiếng Pháp để mọi sinh viên của Viện đều có thể dùng nó được. Lời ca tiếng Pháp này dĩ nhiên là không thể nói riêng về Việt Nam mà phải nói đến cả Đông Dương để cho phù hợp với tên THSVĐD. Lời ca tiếng Pháp cũng do ủy ban nói trên đây soạn ra:

*Étudiants! Du sol l'appel tenace
Pressant et fort, retentit dans l'espace.
Des côtes d'Annam aux ruines d'Angkor,
À travers les monts, du sud jusqu'au nord,
Une voix monte ravie:
Servir la chère Patrie!
Toujours sans reproche et sans peur
Pour rendre l'avenir meilleur.
La joie, la ferveur, la jeunesse
Sont pleines de femmes promesses*

<<<Điệp khúc>>>

*Te servir, chère Indochine,
Avec coeur et discipline,
C'est notre but, c'est notre loi
Et rien n'ébranle notre foi!*

Buổi hát chiều ngày 15 tháng 3 năm 1942 đã đưa đến những kết quả mỹ mãn và bản Sinh Viên Hành Khúc tên Pháp là Marche des Étudiants đã được chánh thức công nhận là bản nhạc của THSVĐD. Mùa hè năm đó, Tổng Hội này lại tổ chức một buổi lễ mãn khoá tại Nhà Hát Lớn Hà Nội. Lần này, có Toàn Quyền Đông Dương và nhiều viên chức cao cấp Pháp khác đến dự. Bản Sinh Viên Hành Khúc được dàn nhạc của Hải Quân Pháp trình tấu. Âm điệu hùng hồn của nó đã làm mọi người khích động và khi nó được thổi lên, tất cả mọi người tham dự lễ mãn khoá năm 1942 của Viện Đại Học Hà Nội, kể cả các viên chức cao cấp Pháp, đều đã nghiêm chỉnh đứng dậy để chào nó. Sau đó, nó được phổ biến khắp nơi. Các sinh viên Pháp, Khmer và Lào dĩ nhiên là theo lời ca Pháp. Về phía Việt Nam thì các sinh viên chỉ lo đi học chớ không có nhiệt tâm tranh đấu chánh trị cũng chỉ biết có lời ca Pháp. Phần các sinh viên Việt Nam có nhiệt tâm tranh đấu cho nền độc lập của dân tộc thì đem ra phổ biến ở khắp cả ba kỳ trong kỳ nghỉ hè năm đó với lời ca tiếng Việt, như là đoạn I nói trên đây. Vì thế, từ năm 1943, bài Sinh Viên Hành Khúc đã được người Việt Nam ở cả ba kỳ biết.

Năm 1945, sau khi Nhật đảo chánh Pháp, Thanh Niên Tiền Phong được thành lập ở Nam Việt và lấy bản nhạc trên đây làm đoàn ca. Tên bản nhạc được đặt lại là Thanh Niên Hành Khúc hay Tiếng Gọi Thanh Niên. Về lời thì hai chữ sinh viên được thay bằng hai chữ thanh niên. Lúc người Pháp trở lại chiếm Nam Việt cuối năm 1945, Thanh Niên Tiền Phong đã huy động người ái quốc Việt Nam ở Nam Việt đứng lên chống lại họ dưới lá cờ vàng sao đỏ và bản Thanh Niên Hành Khúc hay Tiếng Gọi Thanh Niên.

Năm 1948, trong phiên họp lịch sử ở Hongkong giữa Cựu Hoàng Bảo Đại và một số thân hào nhơn sĩ cùng đại diện các đoàn thể chánh trị và tôn giáo ở Việt Nam, Anh Nguyễn Tôn Hoàn đã đề nghị lấy bản nhạc của Thanh Niên Hành Khúc làm quốc thiều cho Quốc Gia Việt Nam. Hội nghị đã đồng ý và tên bản nhạc được đặt lại là Quốc Dân Hành Khúc hay Tiếng Gọi Công Dân. Về lời ca, đoạn I của bài Thanh Niên Hành Khúc nói trên đây đã được dùng, với hai chữ công dân thay cho hai chữ thanh niên.

Ngày 2 tháng 6 năm 1948, chánh phủ lâm thời Việt Nam được thành lập với Tướng Nguyễn Văn Xuân làm Thủ Tướng và Quốc Dân Hành Khúc hay Tiếng Gọi Công Dân được chánh thức dùng làm quốc ca. Lúc Ông Ngô Đình Diệm lật đổ Quốc Trưởng Bảo Đại để thành lập chế độ cộng hoà, Quốc Hội Lập Hiến được bầu năm 1956 đã có đặt vấn đề chọn một bài quốc ca khác. Tuy nhiên, lúc đó, phần lớn các bản nhạc được đề nghị dùng làm quốc ca đều không đủ tiêu chuẩn để được chấp nhận. Bài duy nhất được xem là xứng đáng làm quốc ca chính là bài Việt Nam Minh Châu Trời Đông của nhạc sĩ Hùng Lân đã được chánh phủ Trần Trọng Kim chọn làm quốc ca năm 1945. Tuy nhiên, hai Ông Ngô Đình Diệm và Ngô Đình Nhu cuối cùng đã không chấp nhận việc dùng bản Việt Nam Minh Châu Trời Đông làm quốc ca vì một lý do đặc biệt.

Năm 1945, hai Đảng Việt Nam Quốc Dân Đảng (VNQDDĐ) và Đại Việt Quốc Dân Đảng (ĐVQDDĐ) đã sáp nhập lại làm một với tên chung là Quốc Dân Đảng và Đảng này đã lấy bài Việt Nam Minh Châu Trời Đông làm đảng ca. Sau đó, VNQDDĐ và ĐVQDDĐ lại tách nhau ra, nhưng cả hai đều giữ đảng ca Việt Nam Minh Châu Trời Đông. Vì biết được việc này nên hai Ông Ngô Đình Diệm và Ngô Đình Nhu đã không chấp nhận bản nhạc này làm quốc ca. Quốc Hội Lập Hiến năm 1956 đã quyết định giữ lại bản Quốc Dân Hành Khúc hay Tiếng Gọi Công Dân làm quốc ca, nhưng đổi lời lại như sau:

*Này công dân ơi! Quốc gia đến ngày giải phóng.
Đồng lòng cùng đi, hy sinh tiếc gì thân sống!
Vi tương lai quốc dân, cùng xông pha khó khăn,
Làm sao cho núi sông từ nay luôn vững bền.
Dầu cho thầy phoi trên gươm giáo,
Thù nước lấy máu đào đem báo.
Nòi giống lúc biến phải cần giải nguy,
Ngươi công dân luôn vững bền tâm trí,
Hùng tráng quyết chiến đấu làm cho khắp nơi
Vang tiếng người nước Nam cho đến muôn đời!
<<<Điệp khúc>>>
Công dân ơi! Mau hiến thân dưới cờ!
Công dân ơi! Mau làm cho cõi bờ
Thoát cơn tàn phá, về vang đời sống
Xứng danh ngàn năm dòng giống Lạc Hồng.*

Bản nhạc và lời ca này đã được dùng suốt thời Đệ Nhất và Đệ Nhị Cộng Hòa cho đến ngày nay.

C. VẤN ĐỀ THAY ĐỔI QUỐC CA.

Nói tóm lại, trừ các bản nhạc vô duyên đã được Nam Kỳ Cộng Hòa Quốc dùng làm quốc ca, nhưng thật sự không thể xem là quốc ca được, dân tộc Việt Nam có cả thảy bốn bản nhạc xứng đáng với danh nghĩa quốc ca là Đảng Đoàn Cung, Việt Nam Minh Châu Trời Đông, Tiến Quân Ca và Quốc Dân Hành

Khúc hay Tiếng Gọi Công Dân. Bốn bản quốc ca này đã được dùng song song với bốn lá quốc kỳ: bản Đăng Đàn Cung với cờ long tinh, bản Việt Nam Minh Châu Trời Đông với cờ quẻ Ly, bản Tiến Quân Ca với cờ đỏ sao vàng và bản Quốc Dân Hành Khúc hay Tiếng Gọi Công Dân với cờ vàng ba sọc đỏ.

1. So sánh các bản quốc ca với nhau.

Bản Đăng Đàn Cung là bản nhạc cổ điển Việt Nam thuộc loại nhã nhạc. Loại nhạc này có tánh cách nghiêm trang và ôn hòa, trái với dân nhạc là loại nhạc biểu lộ tình cảm một cách nồng nhiệt và chỉ được dùng trong việc giải trí hay hội họp vui chơi. Bản Đăng Đàn Cung là một bài nhã nhạc dùng trong lễ tế Nam Giao của nhà vua. Do đó, nó có tánh cách trang trọng, nhưng không hùng hồn và không kích động được tinh thần người nghe. Bản Việt Nam Minh Châu Trời Đông là một bản tân nhạc có tánh cách kích động hơn bản Đăng Đàn Cung, nhưng cái hùng của nó là loại trầm hùng nên không kích động tinh thần người nghe bằng bản Quốc Dân Hành Khúc hay Tiếng Gọi Công Dân. Vì là một hành khúc, bản quốc ca hiện nay của chúng ta kích động tinh thần người nghe một cách mạnh mẽ hơn. Mặt khác nữa, hoàn cảnh lịch sử đã làm cho nó đóng một vai tuồng tích cực trong cuộc tranh đấu cho nền độc lập và tự do của dân tộc Việt Nam. Thời Thế Chiến II, với tên là Sinh Viên Hành Khúc, nó đã được dùng để đánh thức tinh thần tranh đấu của nhơn dân Việt Nam. Đến lúc người Pháp đem binh đến để tái chiếm Nam Việt, dưới tên Thanh Niên Hành Khúc hay Tiếng Gọi Thanh Niên, nó đã được dùng để thúc đẩy các chiến sĩ cầm tầm vong vật nhọn đứng lên tranh đấu với Quân Đội Viễn Chinh Pháp. Khi nước Pháp chánh thức nhìn nhận nền độc lập và thống nhất của Việt Nam, nó đã thành bản quốc ca với tên là Quốc Dân Hành Khúc hay Tiếng Gọi Công Dân.

Bản Tiến Quân Ca của CSVN cũng có tánh cách kích động tinh thần người nghe như bản quốc ca của chúng ta. Nhưng về lời ca thì từ hình thức Sinh Viên Hành Khúc qua Thanh Niên Hành Khúc đến Quốc Dân Hành Khúc, bản quốc ca của chúng ta nhiều lắm là nói đến "thù nước lay máu đào đem báo", còn Tiến Quân Ca với lời "thề phan thây uống máu quân thù" rõ là sát máu quá và có thể làm cho thế giới xem dân tộc Việt Nam là dã man. Về mặt chánh trị, bản Thanh Niên Hành Khúc đã được dùng để thúc đẩy các thanh niên ái quốc Nam Việt cầm tầm vong vật nhọn chống lại Quân Đội Viễn Chinh Pháp trong khi bản Tiến Quân Ca đã được thổi lên để chào đón Quân Đội này lúc họ đổ bộ ra Bắc Việt theo sự thoả thuận với Hồ Chí Minh trong Sơ Ước ngày 6 tháng 3 năm 1946. Sau đó, nó đã được dùng khi bộ đội Việt Minh cùng với bộ đội Pháp hợp tác nhau trong Ban Liên Kiểm Việt-Pháp để tiến đánh các chiến khu của Đại Việt Quốc Dân Đảng, Việt Nam Quốc Dân Đảng và Việt Nam Cách Mạng Đồng Minh Hội.

2. Lý luận của những người muốn đổi quốc ca.

Những người muốn đổi quốc ca đã đưa ra nhiều lý luận khác nhau. Trong các lý luận được đưa ra, chỉ có một cái đáng cho chúng ta lưu ý. Lý luận này đặt nền tảng trên chỗ tác giả bản nhạc được chúng ta dùng làm quốc ca là Lưu Hữu Phước, hiện là một cán bộ cộng sản, và Lưu Hữu Phước đã lên tiếng sỉ vả người quốc gia Việt Nam là vô liêm sỉ khi lấy bản nhạc của anh ta và đặt lại lời ca để dùng. Một số người quốc gia Việt Nam đã tỏ ra khó chịu về việc này và những người muốn thay đổi quốc ca đã dựa vào đó để kêu gọi mọi người bỏ bản quốc ca hiện tại.

a. Nhận định về cá nhơn Lưu Hữu Phước.

Vì lý luận trên đây dựa vào cá nhơn Lưu Hữu Phước nên chúng ta cần phải biết về cá nhơn này trước khi phán đoán. Thời Thế Chiến II, Lưu Hữu Phước là một sinh viên có tinh thần quốc gia và cũng như nhiều sinh viên khác của Viện Đại Học Hà Nội, chỉ có chủ trương giành độc lập cho Việt Nam mà không gia nhập đoàn thể chánh trị nào. Lúc CSVN chưa cướp được chánh quyền, Lưu Hữu Phước đã hoạt động với Anh Nguyễn Tôn Hoàn là một cán bộ của Đại Việt Quốc Dân Đảng tại Viện Đại Học Hà Nội.

Lúc CSVN cướp được chánh quyền, Lưu Hữu Phước và một số sinh viên khác gia nhập Đảng Tân Dân Chủ, một chánh đảng hợp tác với CSVN trong Mặt Trận Việt Minh, nhưng lúc đầu phân biệt

với Đảng CSVN và nhiều khi cạnh tranh lại đảng này. Tuy nhiên, bằng cách vừa mua chuộc, vừa lấn ép, CSVN đã lôi phần lớn các đảng viên Tân Dân Chủ vào Đảng CS và chỉ còn dùng tên Đảng Tân Dân Chủ làm một nhãn hiệu để làm cho người ta lầm tưởng rằng chế độ họ xây dựng lên không phải là chế độ độc đảng.

Lưu Hữu Phước thuộc thành phần đảng viên Tân Dân Chủ bị lôi kéo vào Đảng CS. Anh ta không đủ khí phách để chống lại việc đó và bị loại ra khỏi trường chánh trị như Đặng Ngọc Tốt, cũng không đủ tinh thần sắt máu để được CSVN tin dùng như Huỳnh Tấn Phát, Huỳnh Văn Tiêng, Trần Bửu Kiếm. Mặt khác, anh ta không có một khả năng đặc biệt về chánh trị mà CSVN có thể khai thác được như Mai Văn Bộ. Trước sau, Lưu Hữu Phước chỉ là một nhạc sĩ. Do đó, CSVN đã dùng anh ta như một văn công, sản xuất nhạc theo lệnh Đảng và lên tiếng về các vấn đề khác những khi Đảng thấy cần. Nói tóm lại, Lưu Hữu Phước đã sáng tác bản nhạc của Quốc Dân Hành Khúc hay Tiếng Gọi Công Dân lúc còn là một sinh viên có tinh thần quốc gia. Ngày nay, anh ta là một văn công của CSVN và mọi lời phát biểu của anh ta chỉ là do Đảng CSVN mớm cho.

b. Quan niệm chung của người các nơi trên thế giới về quốc ca.

Nhưng dầu cho lúc sáng tác bản nhạc của Quốc Dân Hành Khúc, Lưu Hữu Phước đã là một đảng viên cộng sản rồi và việc chỉ trích chúng ta dùng bản nhạc đó là do ý anh ta, chúng ta cũng không phải bận tâm về vấn đề này, vì theo quan niệm chung của người các nơi trên thế giới về quốc ca thì khi một bản nhạc đã được quốc dân nhận làm quốc ca, nó không còn của riêng ai nữa mà là của toàn dân. Do đó, cá nghơn người sáng tác bản nhạc cũng như người chọn bản nhạc làm quốc ca không thành một vấn đề đem ra thảo luận. Chúng ta có một tiền lệ đáng lưu ý về việc này.

Đó là trường hợp bản Marseillaise được dùng làm quốc ca Pháp. Bản quốc ca này được một nhà quý tộc Pháp là Rouget de Lisle sáng tác năm 1792. Lúc ấy, Vua Louis thứ XVI còn trị vì và Rouget de Lisle là một sĩ quan trong Quân Đội Pháp. Năm 1793, Vua Louis thứ XVI bị xử tử và Rouget de Lisle bị bắt vì là người quý tộc theo phe bảo hoàng chống lại Cách Mạng. Lúc ấy, Ông Lazare Carnot, Ủy Viên Quốc Phòng của Hội Đồng Cách Mạng vì muốn cứu một sĩ quan cùng binh chủng với mình, lại là tác giả bản Marseillaise, đã đề nghị Rouget de Lisle tuyên thệ trung thành với Cách Mạng thì sẽ được tha, nhưng Rouget de Lisle từ chối vì không chịu phủ nhận lý tưởng bảo hoàng của mình. Cuối cùng, ông ta chỉ thoát chết vì chánh phủ cách mạng chủ trương Đại Khủng Bố do Robespierre cầm đầu đã bị lật đổ trước khi bản án tử hình của ông ta được đem ra thi hành. Nhưng mặc dầu sau năm 1793, Rouget de Lisle đã trở thành người chống lại Cách Mạng, chánh quyền cách mạng Pháp vẫn tiếp tục dùng bản Marseillaise do ông sáng tác và năm 1795 đã chánh thức quyết định lấy nó làm quốc ca.

c. Trường hợp bản Tiến Quân Ca được tập đoàn CSVN dùng làm quốc ca.

Bản Tiến Quân Ca được tập đoàn CSVN dùng làm quốc ca vốn do nhạc sĩ Văn Cao sáng tác trong thời kỳ CSVN chưa cướp được chánh quyền ở Việt Nam. Không rõ lúc ông sáng tác bản nhạc này, Văn Cao đã là một đảng viên cộng sản hay chưa. Nhưng chắc chắn là về sau, ông đã vào Đảng CSVN. Tuy nhiên, cũng như nhiều văn nghệ sĩ có nhiệt tâm yêu nước thời đó, Văn Cao đã lần lần nhận chân được bộ mặt thật của Cộng Sản. Điều đáng quý là ông đã can đảm hơn nhiều người khác như Lưu Hữu Phước chẳng hạn, và đã dám nói lên sự bất mãn và chống đối của mình. Ông đã tham dự phong trào Nhân Văn Giai Phẩm hồi năm 1956 và đã dứt khoát chống lại Đảng CSVN. Trong con mắt của CSVN hiện nay, Văn Cao là một phần tử phản Đảng, phản động, phản cách mạng.

Với chủ trương độc tài sắt máu và lòng tự hào là Đảng mình lúc nào cũng hành động hợp với chánh nghĩa, CSVN rất xấu hổ về chỗ bản quốc ca họ dùng là sáng tác của một nhạc sĩ phản Đảng, phản động và phản cách mạng. Bởi đó, họ không chịu theo quan niệm thông thường bắt đầu với lịch sử bản Marseillaise của Pháp, nghĩa là bắt chấp lập trường chánh trị về sau của tác

giả bản quốc ca. Họ đã treo một giải thưởng lớn cho người sáng tác được một bản nhạc đáng làm quốc ca mới. Nhưng trong nhiều trăm bản nhạc gửi đến dự thi, họ đã không chọn được bản nào ra hồn. Cuối cùng, họ phải hậm hực giữ bản Tiến Quân Ca làm quốc ca.

Người Quốc gia Việt Nam chúng ta theo quan niệm thông thường trên thế giới về quốc ca nên không có gì phải hậm hực vì tác giả bản quốc ca chúng ta đang dùng hiện đã trở thành một văn công của CSVN. Và nếu có người nào đem việc Lưu Hữu Phước sĩ và chúng ta về chỗ đã lấy bản nhạc do anh ta sáng tác làm quốc ca, chúng ta có thể bảo họ nên dùng các lời sĩ và đó đặt trong miện Văn Cao để gửi cho tập đoàn CSVN.

3. Nhiệm vụ của người quốc gia Việt Nam đối với bản quốc ca Quốc Dân Hành Khúc hay Tiếng Gọi Công Dân.

Người quốc gia Việt Nam may mắn có một bản quốc ca hùng hồn được dùng để thúc đẩy người ái quốc tranh đấu cho nền độc lập và sự tự do của dân tộc. Bản quốc ca này rất xứng đáng với lá quốc kỳ nền vàng ba sọc đỏ. Với giá trị nội tại của chính nó, thêm vào vai tuồng lịch sử mà nó đã đóng, nó lúc nào cũng gây sự xúc động mạnh mẽ trong tâm trí người Việt Nam ái quốc. Từ khi được chính thức dùng làm quốc ca của nước Việt Nam độc lập, nó đã được nhiều quốc gia trên thế giới biết đến. Tại Việt Nam, nó đã cùng với quốc kỳ nền vàng ba sọc đỏ làm yếu tố hội tập nhiều triệu chiến sĩ quân nhơn cũng như dân sự tranh đấu cho sự tự do của dân tộc Việt Nam. Nó đã là bản nhạc tiễn đưa ra nghĩa trang nhiều trăm ngàn người đã chết vì Tổ Quốc Việt Nam. Như vậy, nó cũng là một bảo vật thiêng liêng của chúng ta y như quốc kỳ.

Hiện nay, bản Quốc Dân Hành Khúc hay Tiếng Gọi Công Dân không còn được chính thức dùng bên trong nước Việt Nam, nhưng như mọi người Việt Nam ở quốc nội đều biết rằng đó là bản nhạc của người quốc gia chống lại Cộng Sản. Bên ngoài Việt Nam, nó cũng được người ngoại quốc xem là bản nhạc biểu tượng cho người quốc gia chống cộng. Không bản nhạc nào khác có thể thay thế Quốc Dân Hành Khúc hay Tiếng Gọi Công Dân về mặt này. Vậy, việc tôn trọng bản quốc ca đó và tiếp tục dùng nó chung với quốc kỳ nền vàng ba sọc đỏ một cách rộng rãi ở mọi nơi là một công cuộc đóng góp vào việc giải phóng Việt Nam khỏi ách Cộng Sản. Nếu mọi người Việt Nam ở hải ngoại đều đồng tâm nhứt trí để tranh đấu chung nhau thì một ngày không xa lắm, bản Quốc Dân Hành Khúc hay Tiếng Gọi Công Dân sẽ được hát lên ở khắp các nẻo đường đất nước Việt Nam từ mũi Cà Mau đến ải Nam Quan. Chúng tôi nghĩ rằng lúc ấy, chắc chắn không có bài khải hoàn ca nào hay hơn nó được.

GS NGUYỄN NGỌC HUY

(Trích 'DI CẢO III' của Giáo sư Nguyễn Ngọc Huy, Mekong-Ty nạn xuất bản, Hoa Kỳ, 1992)